

THỰC TRẠNG TIẾP CẬN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH THANH HÓA

Lê Quang Hiếu¹, Nguyễn Thị Thanh Xuân²

Tóm tắt

Trong giai đoạn 2016-2021, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhà nước dù đã đạt được những thành công nhất định nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhu cầu của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và ảnh hưởng đại dịch Covid 19. Bài viết nghiên cứu thực trạng tiếp cận chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cơ sở khảo sát 43 cơ quan ban ngành và 600 doanh nghiệp nhỏ và vừa. Kết quả khảo sát cho thấy được 05 hạn chế chủ yếu trong việc tiếp cận chính sách đó là: (i) Mức độ chủ động của doanh nghiệp trong việc tìm hiểu chính sách chưa cao; (ii) Mức độ đáp ứng chính sách của doanh nghiệp còn thấp; (iii) Công tác tư vấn của cơ quan quản lý chưa thường xuyên; (iv) Quy trình, thủ tục giải quyết chính sách còn rườm rà, phức tạp; (v) Chính sách ban hành còn nhiều bất cập. Từ đó, tác giả đã có các gợi ý chính sách dưới góc độ doanh nghiệp và dưới góc độ cơ quan, ban ngành.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tỉnh Thanh Hóa, tiếp cận chính sách hỗ trợ.

THE REAL SITUATION OF ACCESSING GOVERNMENT'S SUPPORTIVE POLICIES FOR SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES IN THANH HOA PROVINCE

Abstract

In the period from 2016 to 2021, although government policies that support small and medium enterprises have achieved certain successes, they have not met the requirements and needs of businesses in the context of the deep international integration and the effect of the Covid-19 pandemic. The article examines the real situation of accessing government's supportive policies for small and medium enterprises on the basis of a survey toward 43 agencies and 600 small and medium enterprises. The results show that there are five major limitations in accessing policies, including: (i) The proactive level of enterprises in finding policies is not high; (ii) The level of responsiveness of enterprises is still low; (iii) The consulting activities of the authorities are not regular; (iv) Process and procedures for policy settlement are complex and strict; (v) The promulgated policies have many shortcomings. Thence, the authors have suggested some important policies from the perspective of enterprises as well as from the perspective of the government agencies and departments.

Keywords: small and medium enterprises, Thanh Hoa province, accessing supportive policies.

JEL classification: G, G32, G28.

1. Đặt vấn đề

Trước bối cảnh hội nhập kinh tế và sự ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19, Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) sẽ không tránh khỏi những khó khăn, thách thức. Sự gia tăng áp lực cạnh tranh đối với hàng hóa trong nước do dòng hàng chất lượng cao từ Châu Âu được mở rộng vào thị trường Việt Nam. Việc cạnh tranh sẽ rất tiêu cực đối với các doanh nghiệp yếu kém. Do vậy, trong thời gian qua Chính phủ đã quan tâm và dồn các nguồn lực, đưa ra các chính sách rất tích cực để hỗ trợ DNNVV như hỗ trợ tài chính, tín dụng, thuế. Tuy nhiên, để doanh nghiệp thực sự tiếp cận được với các chính sách, văn bản pháp luật và các cam kết quốc tế có hiệu quả thì cần phải có những nhìn nhận đánh giá đúng về việc thực thi chính sách trong từng giai đoạn. Các chính sách dù đạt được những thành công nhất định nhưng vẫn còn những bất cập, từ việc Nhà nước triển khai chính sách cho tới việc Doanh nghiệp tiếp cận chính sách. Ở Việt Nam cũng như các nước trên thế giới, các DNNVV có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp

cho xã hội khối lượng hàng hóa lớn và giải quyết việc làm cho người lao động. Riêng với tỉnh Thanh Hóa, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XVIII đã chỉ rõ mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 có trên 20.000 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Để thực hiện Nghị quyết này, trong thời gian qua Tỉnh Ủy, UBND tỉnh đã có nhiều hành động thiết thực nhằm cụ thể hóa và đưa ra các giải pháp nhằm đạt được mục tiêu. Ngày 5-8-2020, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 58 NQ/TW về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, cần phải có những giải pháp hỗ trợ hiệu quả cho DNNVV để nâng cao giá trị doanh nghiệp, đặc biệt đối với một số ngành đặc thù như công nghiệp năng lượng và chế biến, chế tạo; nông nghiệp giá trị gia tăng cao; dịch vụ logistic. Góp phần đưa tỉnh Thanh Hóa đạt được tầm nhìn và mục tiêu trong thời gian tới. Dù đã có nhiều chính sách hỗ trợ, tuy nhiên thực tế DNNVV vẫn phải đối diện với nhiều khó khăn, đặc biệt là trong việc tiếp cận chính sách. Theo kết quả khảo sát của tác giả, tỷ lệ doanh nghiệp nhận được lợi ích từ chính

sách vẫn còn rất thấp; nhiều doanh nghiệp không biết đến chính sách hỗ trợ;... Để nhìn nhận những khó khăn, rào cản đối với DNNVV trong việc tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước tại tỉnh Thanh Hóa, bài viết đánh giá thực trạng tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với DNNVV trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, xác định những trở ngại lớn đối với doanh nghiệp khi tiếp cận chính sách hỗ trợ. Từ đó gợi ý một số đề xuất tháo gỡ khó khăn cho DNNVV trong việc tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm doanh nghiệp nhỏ và vừa

Khái niệm doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận ở Việt Nam sau năm 1990. Các tiêu chí xác định DNNVV được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật của nhà nước. Hiện nay, tiêu chuẩn để xác định DNNVV được căn cứ tại Điều 6 Nghị định 39/2018/NĐ-CP [3]. Chính phủ đã quy định các tiêu chí cụ thể đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa. Theo đó, DNNVV là những doanh nghiệp có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ. Đối với từng ngành nghề kinh doanh khác nhau có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện từng ngành nghề.

Như vậy, DNNVV được hiểu là các cơ sở sản xuất – kinh doanh độc lập, đã đăng ký kinh doanh theo pháp luật hiện hành, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ.

2.2. Một số chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam giai đoạn 2016 – 2021

Văn bản quy định chung về chính sách hỗ trợ DNNVV

Luật hỗ trợ DNNVV năm 2017: Để tiếp tục nâng cao hiệu lực pháp lý, đẩy mạnh thực hiện các chính sách hỗ trợ DNNVV, tại Kỳ họp thứ 3 Khóa XIV, Quốc hội đã thông qua Luật hỗ trợ DNNVV (năm 2017). Luật đã ban hành các quy định về nguyên tắc hỗ trợ DNNVV; nguồn vốn và nội dung hỗ trợ DNNVV. Luật có hiệu lực thi hành từ 01/01/2018, với hàng loạt chính sách hỗ trợ cơ bản dành cho các DNNVV. Với những quy định cụ thể về hỗ trợ DNNVV đã tạo bước tiến quan trọng trong công tác hoàn thiện chính sách hỗ trợ tích cực cho DNNVV phát triển mạnh mẽ hơn [6].

Nhiều văn bản được ban hành như Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển DN đến năm 2020; Chỉ thị 26/CT-TTg về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của

Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV. Theo đó, các DNNVV được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ từ Nhà nước như: Hỗ trợ thông tin, tư vấn, phát triển nguồn nhân lực, chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Như vậy, nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, Chính phủ vẫn tiếp tục quan tâm và đặt mục tiêu cao hơn, toàn diện hơn.

Chính sách hỗ trợ đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa

Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 4 tháng 2 năm 2016 phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020. Mục tiêu của của quyết định là tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn II (2016 - 2020); Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP ngày 28 /4/2016 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam năm 2016 - 2017 và định hướng đến năm 2020; Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV. Các văn bản trên quy định chi tiết các hoạt động hỗ trợ pháp lý, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác hỗ trợ pháp lý cho DNNVV.

Chính sách hỗ trợ tiếp cận tín dụng

Cho đến nay, khung chính sách, pháp luật về tín dụng và hỗ trợ tiếp cận tín dụng đối với DNNVV đang từng bước được hoàn thiện theo hướng hướng tạo thuận lợi hơn, nhằm tháo gỡ các khó khăn cho DN phát triển trong tiếp cận nguồn vốn vay. Luật Hỗ trợ DNNVV đã quy định rõ về chính sách hỗ trợ tiếp cận tín dụng và để triển khai Luật này, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện như: Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo... Đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid 19, những hệ lụy do Covid 19 để lại cho nền kinh tế nói chung và DNNVV nói riêng là rất lớn. Chính phủ và Hiệp hội DNNVV Việt Nam đã và đang đưa ra các chính sách rất tích cực như hỗ trợ tài chính, tín dụng cho cộng đồng doanh nghiệp cùng người dân chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dịch Covid-19.

Chính sách hỗ trợ về đất đai, thuế, nguồn nhân lực

Thông tư số 05/2019/TT-BKH ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV. Thông tư này hướng dẫn việc đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh, đào tạo trực tiếp tại DNNVV; tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên phương tiện thông tin đại chúng cho DNNVV; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV. Nghị định 52/2021/NĐ-CP về gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021. Với sự chuyển biến và bùng phát của đại dịch Covid 19, việc thực hiện chính sách này sẽ giúp cho doanh nghiệp có thêm khoản tài chính, xoay xở trong bối cảnh dịch diễn biến phức tạp.

Chính sách hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư và các lĩnh vực cụ thể

Nhằm tăng cường các chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV và phong trào khởi nghiệp, Chính phủ ban hành các Nghị định số 34/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Nghị định 13/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 chính thức có hiệu lực đã đưa ra hàng loạt chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung của Nhà nước và quy định trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2.3 Tổng quan tình hình nghiên cứu về tiếp cận chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với DNNVV

Việc nghiên cứu về tiếp cận chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với DNNVV cũng được rất nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến. Các nghiên cứu chỉ ra được sự cần thiết phải có những chính sách hỗ trợ và những khó khăn trong việc tiếp cận chính sách hỗ trợ. Abe và cộng sự (2014) chỉ ra một số trở ngại đối với các DNVVN ở Myanmar là khó tiếp cận tài chính, thủ tục cấp phép và cấp phép kinh doanh kéo dài, cơ sở hạ tầng không đảm bảo (bao gồm cả năng lượng điện) và các dịch vụ hỗ trợ kém như dịch vụ phát triển kinh doanh và các biện pháp tạo thuận lợi thương mại [1]. Trong một nghiên cứu của Amit Bouri và cộng sự (2011) về hỗ trợ DNVVN ở các nước đang phát triển thông qua các trung gian tài chính, cho thấy rằng tài chính tại các nước đang phát triển lại gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn tài chính, cụ thể như là chi phí hành chính cao, yêu cầu tài

sản thế chấp cao và thiếu kinh nghiệm làm việc với các trung gian tài chính [2]. Tương tự như vậy, trong nghiên cứu của OECD (2008) cho thấy rằng các DNNVV tại Hungary đang còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc tham gia thị trường quốc tế, tiếp cận nguồn vốn, thuế cao, thị trường cạnh tranh gay gắt [4]. Nghiên cứu cũng đồng thời đề ra giải pháp để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng cách cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn dễ dàng hơn và đặc biệt là phát triển văn hóa đánh giá mạnh mẽ ở các bộ và cơ quan chịu trách nhiệm về các chính sách và chương trình DNVVN để đảm bảo rằng chúng vẫn hiệu quả về chi phí và thích ứng với các điều kiện thay đổi trong một thế giới năng động. Ở Việt Nam, Hầu hết các bài nghiên cứu chủ yếu đánh giá về khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Có khá nhiều các bài báo phân tích, đánh giá thực trạng tiếp cận vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng trên tạp chí như: Xuân Thân (2017) “DNNVV vẫn khó tiếp cận tín dụng” đăng trên báo điện tử đài tiếng nói Việt Nam VOV [8], Trương Quang Thông (2009) “Doanh nghiệp nhỏ và vừa và vấn đề tài trợ tín dụng” [9], Nghiêm Xuân Thành (2019) “Giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn cho khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa” đăng trên tạp chí Ngân hàng [7]. Hầu như các bài viết này có đánh giá khái quát kết quả và đưa ra một số vấn đề bất cập trong việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Có đề xuất một số giải pháp hỗ trợ để doanh nghiệp nâng cao khả năng tiếp cận vốn. Các nghiên cứu trên cho thấy các khó khăn tiếp cận chính sách hiện nay đó là việc ban hành chính sách còn nhiều bất cập, vẫn còn nhiều DNNVV chưa đáp ứng được điều kiện chính sách và thủ tục giải quyết chính sách còn rườm rà. Mỗi quốc gia, mỗi địa phương có tính đặc trưng khác nhau, vì vậy việc tiếp cận chính sách cũng có sự khác nhau. Do vậy, trên cơ sở các bài nghiên cứu trước đây, nhóm tác giả định hướng cách thức tiếp cận nghiên cứu cho bài viết này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu

Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để thu thập số liệu đánh giá thực trạng tiếp cận các chính sách hỗ trợ DNNVV, thực trạng năng lực cạnh tranh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời xác định, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu được khảo sát trực tiếp bằng 2 mẫu bảng hỏi đối với đối tượng cơ quan ban ngành và mẫu bảng hỏi đối với doanh nghiệp tại 643 đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trong đó có 43 phiếu đại diện cho cơ quan, ban ngành địa phương (bao gồm

27 huyện; 13 sở ban ngành; 3 tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp) và 600 DNNVV trên địa bàn tỉnh. Số lượng DNNVV đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 17.488 (UBND tỉnh Thanh Hóa, 2021) [10]. Theo công thức xác định cỡ mẫu của Yamane (1967) với khoảng tin cậy 95% thì số mẫu tối thiểu đảm bảo tính đại diện là 392 doanh nghiệp. Do vậy mẫu nghiên cứu đảm được tính đại diện. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu còn thu thập về các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách hỗ trợ cho DNNVV.

Phương pháp phân tích

Kết quả khảo sát về thực trạng tiếp cận chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của nhà nước được thể hiện trên cả 2 mẫu phiếu khảo sát. Đối với mẫu phiếu khảo sát cơ quan quản lý (Sở, ban, ngành) thì cả 43 phiếu đều hợp lệ và có 42 đơn vị có (đã từng/đang) triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV, 01 đơn vị cho rằng họ không có triển khai chính sách này (Sở Y tế). Do vậy số phiếu để thực hiện đánh giá, phân tích chỉ tính trên 42 phiếu hợp lệ. Đối với mẫu khảo sát doanh nghiệp, trong 600 DNNVV được khảo sát, thì có 262 DNNVV có trả lời rằng DN họ đang công tác có (đã từng/đang) thuộc đối tượng của chính sách hỗ trợ DNNVV, 338 DNNVV cho rằng họ không thuộc đối tượng của chính sách. Do vậy, việc phân tích,

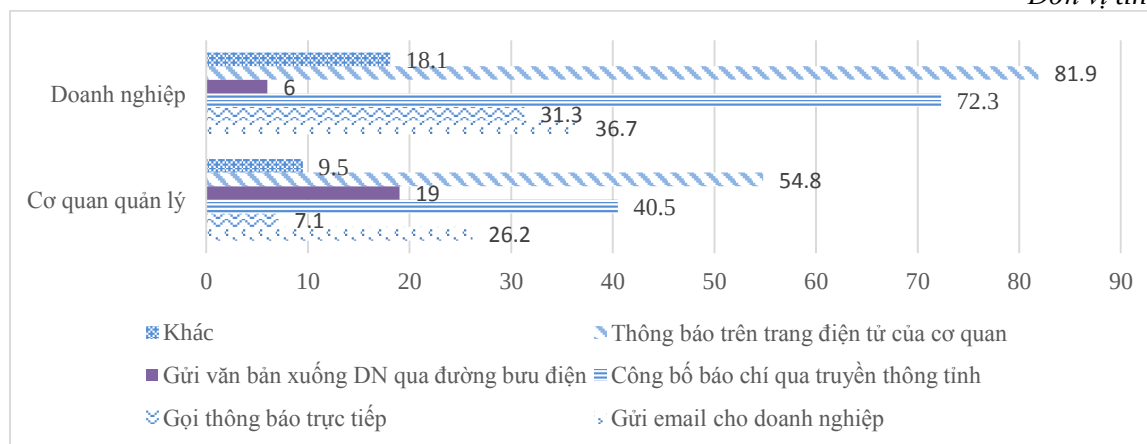
đánh giá đối với doanh nghiệp về thực trạng tiếp cận chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được phân tích trên 262 DNNVV. Từ các dữ liệu thu thập được, tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả, so sánh để thấy được đánh giá của cơ quan, ban ngành địa phương và DNNVV về thực trạng tiếp cận chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với DNNVV. Từ đó có thể xác định được những khó khăn, rào cản đối với doanh nghiệp trong việc tiếp cận chính sách hỗ trợ.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đánh giá về kênh thông tin triển khai/tiếp cận văn bản chính sách

Theo kết quả khảo sát của 262 DN thì doanh nghiệp tiếp cận văn bản chính sách hỗ trợ từ 2 kênh là từ phía cơ quan quản lý và tự tìm hiểu trên thông tin đại chúng. Trong 262 DN thì có kênh nhận thông tin từ cơ quan quản lý chiếm 63,4% (166 DN), từ thông tin đại chúng chiếm 69,8% (183 DN). Trong đó, có 77 doanh nghiệp chỉ nhận từ cơ quan quản lý (29,38%); 94 doanh nghiệp chỉ nhận thông tin từ việc tự tìm hiểu trên thông tin đại chúng (36%) và 89 doanh nghiệp tiếp nhận thông tin từ cả 2 kênh (34%). Với kết quả khảo sát trên cho thấy doanh nghiệp cũng khá chủ động trong việc tìm kiếm các thông tin chính sách hỗ trợ.

Đơn vị tính: %



Hình 1: Kênh triển khai thông tin chính sách hỗ trợ

Kết quả khảo sát từ phía cơ quan quản lý cho rằng phương thức thông báo chủ yếu là thông báo trên trang điện tử của cơ quan (54,8%), công bố trên báo chí (40,5%); ngoài ra có gửi mail cho doanh nghiệp, gửi văn bản cho doanh nghiệp và gọi điện thoại trực tiếp xuống cho doanh nghiệp tuy nhiên tỷ trọng của các hình thức này khá là thấp.

Kết quả khảo sát cho thấy hầu như doanh nghiệp chưa chủ động trong việc tìm hiểu các thông tin về chính sách hỗ trợ. Thực tế cho thấy có khá nhiều các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp, đặc biệt là trong bối cảnh hoạt động kinh doanh chịu nhiều tác động do đại dịch Covid 19,

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu. Nhiều doanh nghiệp biết đến chính sách hỗ trợ nhưng chưa biết đầu mối để tiếp cận, thậm chí còn chưa biết đến chính sách. Chẳng hạn, theo kết quả cuộc khảo sát thực hiện với gần 130.000 doanh nghiệp do Bộ KH-ĐT thực hiện vào tháng 4/2020 thì 64,6% doanh nghiệp đã biết tới các chính sách hỗ trợ nhưng chưa biết đầu mối để tiếp cận; 11,4% doanh nghiệp chưa biết tới các chính sách kể trên [6]. Trong khi đó, theo kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu về tỉnh Thanh Hóa thì có tới 36% doanh nghiệp phải tự tìm hiểu thông tin chính sách trên kênh truyền thông đại chúng mà không biết đầu mối hỗ trợ nào từ phía cơ quan quản lý.

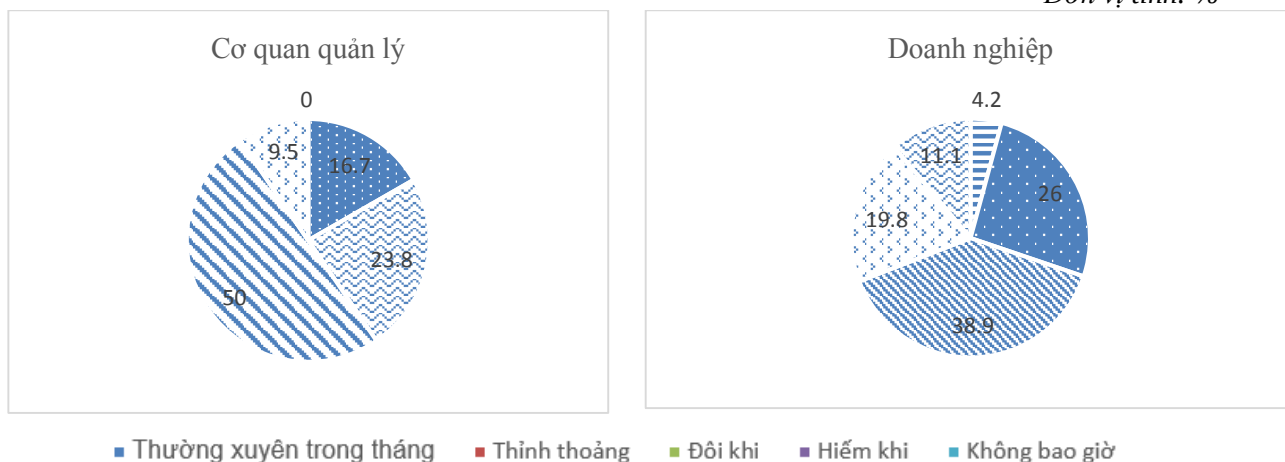
Nguyên nhân, do các doanh nghiệp có tâm lý chung là việc được hưởng chính sách là rất khó nên nhiều doanh nghiệp họ không trông chờ nhiều vào chính sách. Bên cạnh đó, doanh nghiệp chưa có bộ phận tìm hiểu về văn bản pháp luật; Việc cập nhật chính sách không được thường xuyên.

4.2. Đánh giá về công tác tư vấn hỗ trợ

Trong quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ tới DNNVV, về phía cơ quan quản lý có chủ động liên lạc với doanh nghiệp để nắm bắt tình hình tiếp

thu và hỗ trợ doanh nghiệp hay không, thì trong các mức độ được lựa chọn thì cả doanh nghiệp và đơn vị quản lý lựa chọn phương án đôi khi (vài tháng 1 lần) là chủ yếu (41% và 50%); mức độ hiếm thỉnh thoảng (tháng 1 lần) chiếm tỷ trọng 19,8% và 9,5%. Như vậy trong quá trình triển khai các chính sách hỗ trợ thì các cơ quan quản lý có chủ động liên lạc với doanh nghiệp, tuy nhiên mức độ hiếm khi và không bao giờ phía doanh nghiệp đánh giá vẫn còn chiếm tỷ trọng khá cao (29,3%).

Đơn vị tính: %



Hình 2: Mức độ chủ động hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình triển khai chính sách dưới góc độ đánh giá của doanh nghiệp và của cơ quan quản lý

Mức độ chủ động của doanh nghiệp thì cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý đều đánh giá thấp, tỷ lệ hiếm khi và không bao giờ lên đến 50% (48% đối với đánh giá từ phía doanh nghiệp; 54,8% đối với đánh giá từ phía cơ quan quản lý).

Như vậy, mức độ chủ động tư vấn không được thực hiện thường xuyên. Công tác tư vấn hỗ trợ được các cơ quan ban ngành quan tâm, tuy nhiên chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục. Vẫn còn tình trạng chính sách chỉ triển khai xuống nhưng chưa có những hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách để DN biết về lợi ích chính sách mang lại chưa được phổ biến; Chưa có bộ phận hướng dẫn các chính sách hỗ trợ.

4.3. Đánh giá về hiệu quả của chính sách

Theo kết quả khảo sát của đơn vị quản lý thì 100% đều cho rằng cơ quan của họ đã giải quyết lợi ích cho doanh nghiệp được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ. Khảo sát doanh nghiệp được thể hiện ở 3 mức độ: 1- Được nhận đầy đủ tất cả các chính sách doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ; 2- Có nhận được một số chính sách; 3- Chưa nhận được lợi ích từ chính sách nào. Kết quả cho thấy có tới 49,6% doanh nghiệp thuộc đối tượng nhưng chưa được hưởng chính sách nào; 44,3% doanh nghiệp có nhận chính sách nhưng chưa đầy đủ, chỉ có 6,1% doanh nghiệp được hưởng đầy đủ lợi ích từ

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu chính sách. Tìm hiểu nguyên nhân đối với việc chưa được nhận lợi ích từ chính sách, thì doanh nghiệp cho rằng có nhiều nguyên nhân kể cả từ phía doanh nghiệp và từ phía cơ quan quản lý, từ việc ban hành chính sách.

Doanh nghiệp cho rằng có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc doanh nghiệp mặc dù thuộc đối tượng được hưởng chính sách nhưng lại chưa được hưởng chính sách. Trong đó, nguyên nhân cao nhất là do doanh nghiệp chưa có đủ tài liệu để chứng minh (56,5%); doanh nghiệp không chứng minh được khả năng trả nợ (30,5%). Bên cạnh đó là một số nguyên nhân từ phía cơ quan quản lý do bộ phận giải quyết chính sách còn chậm chễ (44,3%), không xét duyệt mặc dù đủ tài liệu (33,6%); bộ phận giải quyết không đúng thủ tục, quy trình (17,6%); nguyên nhân khác (3,8%).

Bất kể một chính sách hỗ trợ nào cũng quy định đối tượng cụ thể được hưởng. Tuy nhiên, không phải doanh nghiệp thuộc đối tượng cũng “khớp lệnh” được khi mà các quy trình, thủ tục còn rườm rà và khắt khe. Chẳng hạn, để tiếp cận gói vay hỗ trợ tại ngân hàng chính sách xã hội thì yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục quyết toán thuế năm 2020 và thêm điều kiện đã được kiểm tra, thanh tra thuế tại thời điểm đề nghị vay vốn mới hợp lệ. Vậy nhưng vì một lý do khách quan khác nhau do dịch Covid liên tục bùng phát

nên việc đi lại để xác nhận đã hoàn thành quyết toán thuế gặp khó khăn. Sau khi triển khai chính sách, cả nước đã có hàng nghìn doanh nghiệp gửi hồ sơ đề xuất cho vay nhưng do thiếu các thủ tục như trên nên gặp khó trong quá trình giải ngân. Ngân hàng chính sách xã hội các địa phương cũng đã có văn bản gửi các ban, ngành liên quan của địa phương để phối hợp tuyên truyền, phổ biến hồ sơ, thủ tục cũng như quy trình nhưng thực tế số lượng đối tượng đủ điều kiện đảm bảo cho vay không nhiều. Chính vì vậy, đây là một trong những hạn chế quan trọng trong việc tiếp cận chính sách [8].

4.4. Khó khăn trong quá trình thực thi chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với cơ quan quản lý và doanh nghiệp

Đối với cơ quan quản lý

Kết quả khảo sát cho thấy nguyên nhân chủ yếu là doanh nghiệp không có tài liệu chứng minh

để nhận lợi ích (69%), doanh nghiệp không có tài liệu chứng minh đối tượng hưởng chính sách (54,8%), quy trình thủ tục giải quyết còn rườm rà và công tác tổ chức đánh giá hiệu quả chính sách còn khó khăn (47,6%), không có văn bản hướng dẫn từ cấp trên (38,1%). Nhiều chính sách ban hành còn thiếu thực tế, đôi khi không được công khai minh bạch. Công tác đánh giá chính sách không được thực hiện thường xuyên, kịp thời. Việc xác định đối tượng hưởng chính sách đôi khi quá chặt chẽ, yêu cầu cao. Bên cạnh đó, cơ quan quản lý thường coi việc đánh giá chính sách là việc của cơ quan ban hành chính sách, vì vậy thường chờ đợi khi cơ quan này có chủ trương hoặc yêu cầu cụ thể mới tổ chức triển khai đánh giá. Các văn bản pháp lý vẫn còn tình trạng thiếu đồng bộ, thiếu chuyên nghiệp.

Bảng 1: Khó khăn khi triển khai chính sách đối với cơ quan quản lý

Lý do	Kết quả khảo sát	
	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1. DN không có tài liệu chứng minh là đối tượng hưởng chính sách	23	54,8
2. Doanh nghiệp không có tài liệu chứng minh để nhận lợi ích	29	69
3. Không có văn bản hướng dẫn cụ thể từ cấp trên	16	38,1
4. Sự phối hợp giữa các bộ phận chưa đồng bộ	11	26,2
5. Quy trình, thủ tục giải quyết còn rườm rà	20	47,6
6. Công tác tổ chức đánh giá hiệu quả chính sách còn khó khăn	20	47,6
7. Chính sách ban hành còn nhiều điểm chưa phù hợp	11	26,2
8. Chính sách ban hành xác định đối tượng còn chung chung	8	19
9. Doanh nghiệp làm hồ sơ thủ tục còn chậm so với quy định	13	31

Đối với doanh nghiệp

Khó khăn đối với doanh nghiệp được đánh giá trên cả góc độ cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Cũng với những câu hỏi đặt ra nhưng đánh giá của cơ quan quản lý và của doanh nghiệp có sự khác nhau. Đứng trên góc độ doanh nghiệp, cũng như doanh nghiệp đều cho rằng có rất nhiều khó khăn đối với doanh nghiệp, đánh giá của cơ quan quản lý và doanh nghiệp cũng khá tương đồng. Cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp đều cho rằng khó khăn nhất đối với doanh nghiệp là các quy định hiện tại khá là khắt khe, doanh nghiệp khó đáp ứng được với các điều kiện đề ra (66,7% và 64,1%). Nguyên nhân tiếp theo mà nhiều đơn vị quản lý cho rằng doanh nghiệp gặp khó khăn là về phía doanh nghiệp (trên 50%) chưa có tài liệu chứng minh. Tuy nhiên, doanh nghiệp lại cho rằng việc chưa có thông báo hướng dẫn cụ thể của cơ quan quản lý là lý do mà nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn. Các doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là siêu nhỏ mà các chính sách thì yêu cầu khá nhiều các điều kiện khắt khe. Bên cạnh đó, trình độ quản lý của doanh nghiệp còn hạn chế, tài chính không được minh

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu
bach. Một số doanh nghiệp am hiểu về chính sách pháp luật còn yếu, tư duy lối mòn, chậm thay đổi

Bên cạnh các khó khăn trên thì cơ quan quản lý còn cho rằng doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc chưa được tiếp cận với các nguồn vốn hỗ trợ, do thời gian hoạt động ngắn, khả năng về thực hiện các thủ tục liên quan đến thuế còn hạn chế; Chính sách hỗ trợ chưa cao, chưa khuyến khích được doanh nghiệp. Về phía doanh nghiệp họ còn cho rằng việc ban hành chính sách vẫn còn tình trạng chung chung, chưa rõ ràng nên gây khó khăn cho việc xác định điều kiện được hỗ trợ.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Trong thời gian qua, mặc dù có nhiều chính sách hỗ trợ cho DNNVV, nhiều doanh nghiệp được giải quyết khó khăn từ hưởng chính sách. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn có các khó khăn, hạn chế trong việc tiếp cận chính sách. Do đó, để tăng cường việc tiếp cận chính sách, trong thời gian tới cần thực hiện một số biện pháp khắc phục hạn chế, như:

Một là, về phía doanh nghiệp: thành lập bộ phận nghiên cứu văn bản pháp luật; nâng cao năng lực quản trị; xây dựng đội ngũ chất lượng cao; phải minh bạch thông tin về hồ sơ để tiếp

cận dễ dàng trong quan hệ tín dụng, nhận chính sách hỗ trợ. Việc chủ động tìm hiểu các chính sách hỗ trợ phù hợp với từng ngành nghề, lĩnh vực là rất cần thiết, sẽ giải quyết kịp thời những thắc mắc của doanh nghiệp và có những định hướng cụ thể để giải quyết những khó khăn vướng mắc trong việc hưởng chính sách hỗ trợ. Mỗi doanh nghiệp nên có bộ phận nghiên cứu về văn bản pháp luật để có định hướng cho doanh nghiệp; nâng cao năng lực quản trị, năng lực tìm hiểu văn bản pháp luật của doanh nghiệp.

Hai là, về phía cơ quan quản lý: tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách nhằm giúp cho doanh nghiệp nắm bắt kịp thời về các chính sách hỗ trợ; thành lập và giao trách nhiệm cụ thể cho bộ phận hỗ trợ pháp lý tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp hưởng chính sách hỗ trợ; đơn giản hóa quy trình, thủ tục; quy định các đối tượng chính sách một cách cụ thể, rõ ràng;

thường xuyên thực hiện đánh giá chính sách một cách chủ động, bài bản, kịp thời để chỉnh sửa chính sách cho phù hợp với thực tế và nhiều đối tượng được hưởng khác nhau.

Đặc biệt, năm 2022 là một năm nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Thanh Hóa nói riêng tiếp tục bị ảnh hưởng do đại dịch Covid 19. Cả nước đã và đang thực hiện rất nhiều biện pháp để giúp ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Do vậy, để tháo gỡ những khó khăn, tăng khả năng tiếp cận chính sách thì vai trò của Chính phủ, địa phương trong việc xây dựng thể chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Cùng với việc cải thiện chính sách, hoàn thiện môi trường thúc đẩy hoạt động kinh doanh, mỗi doanh nghiệp cần phải nâng cao năng lực, nhận thức để tiếp cận chính sách một cách dễ dàng hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Abe, Masato; Dutta, Madhurjya Kumar. (2014). *A new policy framework for Myanmar's SME development*, ARTNeT Working Paper Series, No. 142, Asia-Pacific Research and Training Network on Trade (ARTNeT), Bangkok
- [1]. Amit Bouri, Mark Breij, Magatte Diop, Randall Kempner, Bailey Klinger và Keely Stevenson. (2011). *Report on Support to SMEs in Developing Countries Through Financial Intermediaries*, Paper of Dalberg, http://www.acp.int/sites/acpsec.waw.be/files/Dalberg_sme-briefing-paper.pdf
- [3]. Chính phủ. (2018). Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- [4]. OECD. (2008). *SME Promotion: Increasing Competitiveness and Fostering Successful Entrepreneurship*, in *Reforms for Stability and Sustainable Growth: An OECD Perspective on Hungary*, OECD Publishing, Paris. DOI: <https://doi.org/10.1787/9789264043770-8-en>
- [5]. Quốc Hội. (2017). *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*.
- [6]. Trần Qui Thanh. (2020). Không để chính sách hỗ trợ đến với doanh nghiệp theo cách khó khăn. *Thời báo kinh tế Sài Gòn*, truy cập ngày 27/8/2020, <https://tranquithanh.com/khong-de-chinh-sach-ho-tro-den-voi-doanh-nghiep-theo-cach-kho-khan/>
- [7]. Nghiêm Xuân Thành. (2019). Giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn cho khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. *Tạp chí ngân hàng*, truy cập ngày 27/8/2020, <http://tapchinganhang.gov.vn/giai-phap-nang-cao-kha-nang-tiep-can-von-cho-khu-vuc-doanh-nghiep-nho-va-vua.htm>
- [8]. Xuân Thân. (2017). *DNNVV vẫn khó tiếp cận tín dụng*. Báo điện tử đài tiếng nói Việt Nam VOV, truy cập ngày 27/8/2020, <https://vov.vn/kinh-te/doanh-nghiep-nho-va-vua-van-kho-tiep-can-tin-dung-679273.vov>
- [9]. Trương Quang Thông. (2009). *Doanh nghiệp nhỏ và vừa và vấn đề tài trợ tín dụng. Báo cáo đề tài khoa học*.
- [10]. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. (2021). *Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 – 2025*.

Thông tin tác giả:

1. Lê Quang Hiếu

- Đơn vị công tác: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ email: lequanghieu@hdu.edu.vn

2. Nguyễn Thị Thanh Xuân

- Đơn vị công tác: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức

Ngày nhận bài: 21/2/2022

Ngày nhận bản sửa: 02/3/2022

Ngày duyệt đăng: 28/3/2022